**BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG**

**(Nghị luận văn học)**

##### ***(14 tiết + 4 tiêt ôn tập và KT giữa kì 1)***

##### **(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;**

##### **Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 3 tiết; Kiểm tra và trả bài: 3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản

- Xác định nghĩa của các yếu tố Hán Việt và nghĩa những từ có yếu tố đó

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi. Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết

**2. Phẩm chất:**

Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, ti vi, bảng phụ, bảng trắng, bút dạ bảng, bảng nhóm.

**2. Học liệu:**

**-** Sách Ngữ văn 7 *Chân trời sáng tạo*, sách giáo viên Ngữ văn 7 Chân trời sáng tạo, tập 1.

- Tranh, ảnh, video liên quan tới nội dung bài học.

- Bảng kiểm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của học sinh.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 27**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (khởi động)**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: *Theo em văn chương là gì? Công dụng của văn chương trong đời sống của con người?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ những hiểu biết của mình về văn chương, hôm nay cô cùng các con sẽ đi tìm hiểu về những góc nhìn văn chương.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV giới thiệu:* Tiết học hôm nay, chúng ta tìm hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Tiết học này thuộc vào chủ điểm *Những góc nhìn văn chương.* Trong chủ điểm này, các em sẽ nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản. Cụm từ *“Những góc nhìn văn chương”* gợi cho em điều gì? Trong cuộc sống nó được thể hiện như thế nào? Vì vậy để việc hiểu những góc nhìn khác về tác phẩm văn học có ý nghĩa gì với chúng ta. Sau đây chúng ta cùng đi vào bài học.  HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận.  1. Dựa vào văn bản “Sọ Dừa” em đã học ở chương trình lớp 6. Em hãy trình bày ý kiến của mình về bài học rút ra từ nhân vật Sọ Dừa?  2. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì? Mục đích viết ra là gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  Bước 3:  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  Bài học:  + Khi xem xét, đánh giá con người không nên chỉ dữa vào hình thức bên ngoài. Điều quan trọng là xem xét phẩm chất của họ.  + Con người nếu có hoàn cảnh khó khăn, không hoàn thiện về ngoại hình thì càng cần biết vươn lên để chứng tỏ giá trị bản thân.  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV gọi HS đọc phần Tri thức ngữ văn Mục đích và nội dung chính của VB nghị luận.  - GV giữ nguyên nhóm, yêu cầu các nhóm tìm mục đích và nội dung chính trong văn bản Sọ Dừa?  Bước 2: **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  - Dự kiến sản phẩm:  Nhóm 1: Mục đích đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.  Nhóm 2: Nội dung chính: Truyện cổ tích Sọ Dừa với nhân vật chính có hình hài dị dạng, thường mang lốt vật, bị mọi người xem thường, coi là “vô tích sự”. Nhưng đây là nhân vật có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng, nhân vật trút bỏ lốt vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.  Nhóm 3: ....  Nhóm 4: .....  **Bước 4:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đặt câu hỏi: Ý kiến của em về nhân vật Sọ Dừa?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  Hs làm việc cá nhân.  **Bước 3:**  GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  Dự kiến sản phẩm:  - Chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ, tự tin vào bản thân; Giỏi dang, thông minh, lỗi lạc, thủy chung, ngay thẳng.  **Bước 4:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: | **1. Nghị luận văn học**  - Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một tiểu loại của VB nghị luận. Mục đích là viết ra để bàn về một tác phẩm văn học và có những đặc điểm riêng tương ứng  **2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.**  - Mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học.  - Nội dung chính của văn bản nghị luận là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản, ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.  **3. Ý kiến trong văn bản nghị luận**  - Với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm góp phần làm sáng tỏ ý kiến lớn. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận | - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận | - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học |

**…………………………………………………………………………………….**

**Tiết 28**

**Văn bản EM BÉ THÔNG MINH – NHÂN VẬT KẾT TINH**

**TRÍ TUỆ DÂN GIAN**

(Trần Thị An)

**1. Hoạt động 1: Mở đầu ( khởi động)**

HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

|  |
| --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ  **GV chiếu lần lượt các hình ảnh bốn lần thử thách của em bé thông minh và đặt câu hỏi.**  1. Em hãy cho biết hình 1,2,3,4 ứng với những thử thách nào của em bé?  H4B7  Hình 1 Hình 2  0H2B7  Hình 3 Hình 4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs quan sát và trả lời.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV ðánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn ðề bài học.  Hình 1: Thử thách thứ nhất  Hình 2: Thử thách thứ tý  Hình 3: Thử thách thứ ba  Hình 4: Thử thách thứ hai  - *GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.*  Trong nãm học lớp 6, các em ðã ðýợc tìm hiểu vãn bản ***Em bé thông minh*** trong chủ ðề ***Miền cổ tích***. Các em ðã thấy rõ ðýợc sự thông minh, nhanh trí, hồn nhiên của em bé. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu bài học dựa trên vãn bản ***Em bé thông minh*** mà các em ðã ðýợc học ở chýõng trình lớp 6 ðể kết nối với chủ ðề hôm nay Vãn bản ***Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*** theo Trần Thị An. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn và gọi học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi. HS thực hiện kĩ thuật nhóm đôi.  1. Em có suy nghĩ gì về các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh?  2. Câu văn nào thể hiện ý kiến của tác giả về truyện Em bé thông minh?  3. Theo tác giả, tại sao thử thách thứ tư là quan trọng nhất?  4. Theo em, văn bản được chia làm mấy phần?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài  - HS thảo luận theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Gọi 1 HS trình bày.  HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét câu trả lời của học sinh.  - GV chốt kiến thức và dẫn vào phần sau.  1. Các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh theo cấp độ khó tăng dần, đòi hỏi cậu bé phải suy nghĩ, dùng trí để giải quyết vấn đề, những câu đố hóc búa.  2. Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.  3. Theo tác giả, thử thách thứ tư là quan trọng nhất vì thử thách này không chỉ nâng tầm em bé lên một tầm cao mới, vượt lên so với cả triều đình, chiếm vị thế áp đảo của trí tuệ nhân dân mà còn nâng tầm quan trọng của việc trả lời câu đố lên mức độ cao nhằm lấy lại danh dự vận mệnh của quốc gia.  4.  **II. Suy ngẫm và phản hồi**   1. **NV 1: Tóm tắt văn bản**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:  1. Em hãy xác định ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của văn bản dựa vào sơ đồ sau:  Ý kiến lớn  Ý kiến nhỏ 1 Ý kiến nhỏ 2 Ý kiến nhỏ 3  ........ ...... .......  2. Theo em có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được không?  3. Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như thế có tác dụng gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  -....  - Không thể thay đổi các ý kiến lớn, nhỏ vì mỗi thử thách đều theo cấp độ từ dễ đến khó, nếu thay đổi sẽ làm cho văn bản khó hiểu.  - Tác dụng: làm nổi bật được sự thông minh, trí khôn, kinh nghiệm dân gian của em bé.  **NV 2. Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chiếu đoạn văn và sử dụng kĩ thuật nhóm đôi trả lời các câu hỏi, thảo luận nhóm ở câu 4.  1. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Nội dung chính của văn bản?  2. Chỉ ra các câu văn thể hiện ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn trên?  3. Nhận xét về cách triển khai lí lẽ, bằng chứng ở đoạn này?  4. Em hãy chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian theo bảng?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **1.**  **- Mục đích:** Văn bản viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc, nghe về quan điểm của tác giả về các lần thử thách của em bé trong truyện Em bé thông minh.  **- Nội dung:** Nhân vật em bé thông minh, qua bốn lần thử thách, đã thể hiện trí tuệ của dân gian, đồng thời gửi gắm ước mơ của nhân dân về một xã hội công bằng, được hưởng hạnh phúc xứng đáng.  **2.**  - Câu văn thể hiện ý kiến nhỏ là câu thể hiện quan điểm của tác giả về tác phẩm cần phân tích (câu 1). Câu văn thể hiện bằng chứng là những chi tiết, sự việc, trích dẫn từ VB (câu 3). Câu văn thể hiện lí lẽ là câu trình bày những lí giải, bình luận của người viết về bằng chứng đã đưa ra (câu 2).  **3.**  - Ở đoạn ba, lí lẽ thể hiện quan điểm của người viết về hình ảnh nhân vật em bé thông minh trong thử thách thứ 2,3. Các bằng chứng trích ra từ văn bản và các lí lẽ đưa ra để lập luận phù hợp, thuyết phục, làm bật lên được sự thông minh , tài trí của nhân vật em bé. Cách triển khai ý kiến, lí lẽ, bằng chứng ấy đã góp phần làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.  4… | **I. Trải nghiệm cùng văn bản :**  **1. Đọc**  **2. Bố cục**  - 3 phần  Phần 1: Từ “Kiểu truyện...nhân dân” – Giới thiệu về kiểu nhân vật thông minh  Phần 2: Tiếp theo cho đến láng giềng” – Phân tích những lần thử thách của em bé thông minh.  Phần 3: Còn lại – Ca ngợi trí thông minh của nhân dân.  **II. Suy ngẫm và phản hôi :**   1. **Tóm tắt văn bản**   - Ý kiến lớn: Trong truyện Em *bé thông minh*, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.  - Ý kiến nhỏ 1: Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.  - Ý kiến nhỏ 2: Ở thử thách thứ hai và thứ ba (gắn với câu hỏi thứ hai, thứ ba), tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của trí tuệ dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà mọi ràng buộc chặt chẽ của quan niệm phong kiến về tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ.  - Ý kiến nhỏ 3: Ở thử thách thứ tư (gắn với câu hỏi cuối cùng), người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên trên cả triều đình hai nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình  **2. Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**   |  |  | | --- | --- | | Đặc điể của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học | Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật tinh trí tuệ dân gian | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận | “Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân”. | | Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm. | Đề cao trí tuệ nhân dân. | | Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ. | - Thử thách đầu tiên  - Thử thách thứ hai và thứ ba  - Thử thách thứ tư | | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. | - Ý kiến 1: Thông qua thử thách đầu tiên, tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.  - Ý kiến 2: Ở thử thách thứ hai và ba, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiếp của trí tuệ dân gian.  - Ý kiến 3: Ở thử thách thứ tư, người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên cả triều đình hai.nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình… |   - Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận  - Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |
| **NV3: Những góc nhìn văn chương**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi**  1. Qua văn bản trên giúp em hiểu thêm điều gì về truyện cổ tích Em bé thông minh?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời. Câu 2 hs trả lời theo ý kiến cá nhân.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **-**  Các lời giải đố của nhân vật em bé thông minh trong truyện thường dựa vào kiến thức từ đời sống. Việc tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm thực tế từ hiện thực đời sống rất quan trọng. Đề cao phẩm chất trí tuệ của con người, cụ thể là người lao động nghèo. Đó là trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú, qua những kinh nghiệm được tích lũy từ lao động sản xuất.  **III. Tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ | **3. Những góc nhìn văn chương**  - Tác giả dân gian đã tập trung ca ngợi trí thông minh của nhân dân qua nhân vật em bé thông minh.  - Tác giả dân gian muốn đề cao tầng lớp lao động, thể hiện sự tự hào về trí tuệ bình dân.  - Đồng thời, truyện cổ tích còn thể hiện một ước mơ muốn có được cuộc sống xứng đáng với trí tuệ của người dân.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Dẫn chứng, lí lẽ, lập luận logic, chặt chẽ, sắc bén  **2. Nội dung**  Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian đã chứng minh cho ý kiến của tác giả: Nhân vật em bé trong truyện Em bé thông minh đã đề cao trí tuệ của nhân dân qua bốn lần thử thách. Qua đó, tác giả cũng bày tỏ mong muốn những người bình dân có trí tuệ như vậy cần phải được sống một cuộc sống hạnh phúc, ấm no hơn. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Luyện tập** | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận  1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy?  2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS  - Chốt kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí từ dân gian** | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận | “Trong truyện Em bé thông minh, thôg qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân”. | | Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm. | Đề cao trí tuệ nhân dân. | | Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ. | - Thử thách đầu tiên  - Thử thách thứ hai và thứ ba  - Thử thách thứ tư | | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. | - Ý kiến 1: Thông qua thử thách đầu tiên, tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.  - Ý kiến 2: Ở thử thách thứ hai và ba, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiếp của trí tuệ dân gian.  - Ý kiến 3: Ở thử thách thứ tư, người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên cả triều đình hai.nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình… | | |

**Hoạt động 4. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà  **Bài tập**: Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?  **“*Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mơn, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý “bỏ qua”, không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn.”***  **(*Theo* Minh Khuê, trích *Tác phẩm văn học trong nhà trường – Những vấn đề trao đổi*, tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập **Bước 3: : Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** - Kiểm tra bài của học sinh, hs trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau | - Các dấu hiệu giúp ta nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:  + Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm: *Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ.*  + Có những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm*) *về cái chết của cụ Bơ-mơn, về “kiệt tác” chiếc lá cuối cùng*); lí lẽ lí giải phân tích những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Người kể chuyện không “nói hộ” ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý “bỏ qua” không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn*)  + Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí: nêu ý kiến -> đưa ra bằng chứng -> trình bày lí lẽ để lí giải bằng chứng. Cách sắp xếp này giúp người đọc dễ theo dõi mạch lập luận, tăng sức thuyết phục cho ý kiến. |

…………………………………………………………………..

**Tiết 29, 30**

**Văn bản: HÌNH ẢNH HOA SEN TRONG BÀI CA DAO**

**“TRONG ĐẦM GÌ ĐẸP BẰNG SEN”**

(Theo Hoàng Tiến Tựu)

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |
| --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV Chiếu các ô chữ cho HS lần lượt lựa chọn, HS trả lời câu hỏi GV đưa ra để tìm ra ô chữ đáp án, từ việc lập mở các ô chữ để tìm **từ khóa** của các ô chữ. **Câu hỏi:**  1. Điền vào chỗ trống trong câu ca dao sau: **Ai ơi! Về tới … …, Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn**.   1. Loài hoa biểu trưng cho một nước được gọi là gì? 2. Là thơ ca dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng những câu hát không theo một điệu nhất định, thường phổ biến theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc gọi là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**- HS lựa chọn ô chữ muốn trả lời, suy nghĩ trả lời câu hỏi**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**3 HS lựa chọn các ô chữ, lần lượt trả lời câu hỏi, các bạn khác bổ sung và tìm từ khóa**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét ý kiến của học sinh, đưa ra định hướng dẫn dắt   1. **Tháp Mười** 2. **Quốc hoa** 3. **Ca dao**   **Từ khóa: HOA SEN**  => Hoa sen là loại hoa rất quen thuộc với mỗi chúng ta, không chỉ thế trong lòng mỗi người dân Việt, hoa sen là loài hoa tượng trưng cho vẻ đẹp tươi sáng, cao sang và thuần khiết, mang tính chất dân tộc. Và nếu như các em yêu thích ca dao dân ca nước mình, hẵn chúng ta đã từng bắt gặp hình ảnh hoa sen trong các câu hát dân ca như: *Tháp Mười đẹp nhất bông sen*  *Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*  Hay bài ca dao:  Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.  Hoa sen đã đi vào trong văn hóa trong đời sống của Người Việt với nhiều vẻ đẹp, nhiều ý nghĩa. Chính vì thế, hoa sen luôn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca và nghệ thuật… có nhiều nhà nghiên cứu cũng đã viết rất hay và sâu sắc về ý nghĩa của hoa sen trong văn hóa của người Việt nói chung, trong những câu ca dao nói riêng. Ngày hôm nay cô cùng các em làm quen khám phá một văn bản có ý nghĩa như thế đó là “Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen” của tác giả Hoàng Tiến Tựu |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bố cục của văn bản, xác định thể loại, phương thức biểu đạt   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phần | Vị trí | Nội dung chính | | Mở đầu |  |  | | Nộidung |  |  | | Kết thúc |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - HS tự đọc bài  - Học sinh thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: 1 học sinh trình bày ý kiến của mình. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. Tìm hiểu chung:**   1. **Đọc**  * Thể loại: Nghị luận văn học  1. **Bố cục**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phần | Vị trí | Nội dung chính | | Mở đầu | Từ đầu…Việt Nam | - Giới thiệu bài ca dao, đưa ra nhận định về hình ảnh trong bài ca dao | | Nội dung | Tiếp… trong sạch | Phân tích cách tác giả dân gian miêu tả vẻ đẹp của hoa sen qua từng câu và ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao | | Kết thúc | Còn lại | - Khẳng định sự gắn bó tương đồng giữa người lao động với hoa sen.  - Khẳng định vẻ đẹp ý nghĩa của ha sen trong bài ca dao | |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. SUY NGẪM PHẢN HỒI** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* NV1: Vấn đề bàn luận**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu học sinh đọc lướt lại đoạn mở đầu  GV đặt câu hỏi: Căn cứ vào nhan đề và đoạn mở đầu em hãy xác định vấn đề bản luận trong văn bản là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Vấn đề bàn luận:**  Vẻ đẹp ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao **Trong đầm gì đẹp bằng sen.** |
| **\* NV2: Giải quyết vấn đề**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cho học sinh thảo luận  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  1. Xác định các ý kiến trong văn bản?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ý kiến lớn 1** | | | **Ý kiến lớn 2** | |  | | |  | | Ý kiến nhỏ 1 | Ý kiến nhỏ 1 | Ý kiến nhỏ 1 | |  |  |  |   2. Theo em có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được hay không? Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như thế có tác dụng gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm, hoàn thành phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  2. Không thể thay đổi các ý kiến lớn nhỏ vì sẽ làm xáo trộn mạch lập luận của văn bản, gây khó tiếp nhận cho người đọc.  + Các ý kiến lớn được sắp theo hai tầng nghĩa của hình ảnh trong bài ca dao, ý kiến lớn 1 nói về nghĩa tả thực, ý kiến lớn 2 nói về ý nghĩa tượng trưng  + Các ý kiến nhỏ được sắp xếp theo trình tự bố cục bài ca dao, mạch triển khai ý của tác giả dân gian.  => Cách sắp xếp trật tự ý kiến như vậy giúp người đọc dễ dàng nắm bắt lập luận của văn bản, từ đó làm tăng sức thuyết phục cho văn bản về hai ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao | **2. Giải quyết vấn đề**  **a. Các ý kiến trong văn bản**  **\*Ý kiến lớn 1**  - Vẻ đẹp của hoa sen được miêu tả một cách khéo léo tài tình.  ***+ Ý kiến nhỏ 1*:** Câu thứ nhất đã khẳng định vẻ đẹp tuyệt đối không gì sánh bằng của cây sen  ***+ Ý kiến nhỏ 2***: Câu thứ 2: Miêu tả vẻ đẹp của từng bộ phận củ thể để chứng minh câu 1  ***+ Ý kiến nhỏ 3***: Câu thứ 3 là câu chuyển chuẩn bị cho câu kết  **\* Ý kiến lớn 2**  - Qua hình ảnh hoa sen tác giả dân gian đã gửi gắm những triết lí sâu sắc. |
| **NV 3: Lí lẽ, bằng chứng**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu yêu cầu cho học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi  1. Chỉ ra các lí lẽ bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho các ý kiến  2. Nhận xét về cách triển khai các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  **\* NV 4: Kết thúc vấn đề**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đặt câu hỏi:  1. Xác định kết luận của người viết trong văn bản  2. Qua tìm hiểu văn bản hãy xác định mục đích và nội dung chính của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân suy nghĩa trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  **III. Tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **b. Lí lẽ, bằng chứng**  **-** Lí lẽ 1: Khẳng định và đề cao cây sen như vậy, nhưng bài ca dao không khiến người nghe người đọc, khó chịu  + Bằng chứng: Vì tác giả … thuyết phục  - Lí lẽ 2: Tác giả quan sát các bộ phận từ ngoài vào trong, rất tự nhiên, hợp lí.  + Bằng chứng: Từ “lá xanh” … mới nở  - Lí lẽ 3: Sự chuyển vần và thay đổi trật tự từ ngữ, hình ảnh được thực hiện khéo léo…nội dung lẫn hình thức.  => Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản.  **3. Kết thúc vấn đề**  - Khẳng định tình cảm của người dân Việt Nam dành cho hoa sen.  - Hình tượng sen đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Dẫn chứng, lí lẽ, lập luận logic, chặt chẽ, sắc bén  - Cách triển khai, phân tích các luận điểm khoa học, hợp lí.  **2. Nội dung**  **-** Nhấn mạnh, khẳng định tầng nghĩa trực tiếp (miêu tả vẻ đẹp hoa sen) và tầng nghĩa biểu tượng (cách sống thanh cao, giữ vững phẩm giá) của hình ảnh hoa sen. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Luyện tập** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận  1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy?  2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học   |  |  | | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **BIỂU HIỆN TRONG VĂN BẢN** | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết |  | | Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm |  | | Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ |  | | Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp ếp theo trình tự hợp lí |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập/  **B3: Báo cáo, thảo luận ( trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS  - Chốt kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Biểu hiện trong văn bản** | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết | - Thể hiện ở nhan đề và phần mở đầu  - Các ý kiến lớn nhỏ được nêu ở phần nội dung  - Phần kết thúc có sự khẳng định ý kiến đã nêu | | Đưa ra lí l là những lí giải, phân tích tác phẩm | - Các ý kiến lớn nhỏ đều được làm rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng | | Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ | - Là hình ảnh, từ ngữ, cách diễn đạt… phù hợp và có sức thuyết phục | | Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp ếp theo trình tự hợp lí | - Các ý kiến lớn sắp sếp theo hai tầng nghĩa  - Các ý nhỏ được sắp xếp theo bố cục họp lí, thuyết phục | | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà**  **Bài tập**: Văn bản trên đã giúp em hiểu thêm điều gì về bài ca dao Trong đầm gì đẹp bằng sen. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150- 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập **B3: : Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** - Kiểm tra bài của học sinh, gọi 2 bạn trình bày  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau | **Bài tham khảo**  Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn  Đó là một bài ca dao quen thuộc với tất cả chúng ta. Thông qua văn bản phân tích về vẻ đẹp và giá trị của hoa sen của tác giả Hoàng Tiến Tựu, em càng hiểu rõ hơn về những ý nghĩa triết lí sâu xa hơn về cuộc sống của con người. Hình ảnh đóa hoa sen xinh đẹp khó gì sánh bằng trong đầm nước đã đi vào biết bao trang thi ca nhạc họa. Thủ pháp điệp vòng được vận dụng tinh tế ở câu thơ thứ hai và thứ ba, đã tạo nên nhạc điệu thú vị cho cả bài ca dao. Dù mọc lên từ trong bùn lầy, nhưng đóa hoa sen vẫn vươn thẳng về phía trước, đón lấy ánh mặt trời, tỏa hương thơm ngào ngạt.  Đó cũng chính là hình ảnh biểu trưng cho con người Việt Nam. Dù chân lấm tay bùn, dù hoàn cảnh khó khăn, người dân ta vẫn giữ vẹn nguyên những phẩm chất quý giá. Vẫn không ngừng cố gắng tiến về tương lai tươi đẹp phía trước. Niềm tự hào về những người con đất Việt ấy, đã được tác giả dân gian tinh tế gói lại trong bài ca dao qua biểu tượng đóa sen. Bài ca dao gợi lên sự rất gần gũi, thân quen giữa hoa sen với bản chất tốt đẹp của người lao động. Với bức tranh tuyệt mĩ được vẽ bằng ngôn ngữ, hoa sen sẽ lưu lại mãi mãi vẻ đẹp và hương thơm cao quý trong văn chương và trong lòng người dân đất Việt. | |

**Tiết 31 Đọc kết nối chủ điểm:**

**Văn bản: BỨC THƯ GỬI CHÚ LÍNH CHÌ****DŨNG CẢM**

**( Theo Hoàng Tiến Tựu)**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: *Trong các tác phẩm truyện đã học, nhân vật nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, chân thật những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

- Nhận xét câu trả lời của HS, cần chú ý tôn trọng, khen ngợi những cảm nhận riêng của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

Các em ạ! Thế giới cổ tích luôn là một xứ sở diệu kỳ đối với trẻ thơ. Cổ tích nuôi dưỡng tâm hồn, ước mơ, phát triển lòng yêu cái thiện, căm ghét cái ác, giúp chúng ta thành người. Những nhân vật cổ tích gần gũi như: cô bé Lọ Lem, công chúa Bạch Tuyết, chú lính chì, nàng tiên cá, … đã đi cùng các em vào những giấc mơ và cùng gởi đến các em những bài học bổ ích về cuộc sống. Và câu chuyện “Chú lính chì dũng cảm” mà các em đã được học ở lớp 6 là một ví dụ. Hôm nay, chúng ta cùng trải nghiệm đọc kết nối văn bản “Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm” để hiểu hơn về giá trị nhân văn của câu chuyện ‘Chú lính chì dũng cảm” qua cảm nhận của bạn đọc nhé!

**2 Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn cách đọc: đọc giọng nhẹ nhàng truyền cảm.  - GV đọc mẫu một đoạn.  - Yêu cầu HS đọc.  - GV giao PHT 1 cho HS tìm hiểu trước ở nhà  Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thiện thông tin của PHT -> trình bày   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **Văn bản: “Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm”** | | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt |  | | Bố cục |  | | Tóm tắt |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. Hoàn thành phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV:  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  **GV chốt và chuyển ý:** Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.  Những trải nghiệm nào trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản trên…. | | **1. Đọc**  **2. Xuất xứ** Trích Những bức thư đạt giải UPU lần thứ 34, NXB Bưu Điện Hà Nội 2005 **3. Thể loại:** Văn nghị luận (hình thức bức thư)  **4. Phương thức biểu đạt:**Nghị luận (kết hợp tự sự và biểu cảm) **5. Bố cục**  **- Phần 1 (**từ đầu đến "(Hans Christian Andersen)": Tình cảm của người viết đối với nhân vật chú lính chì  **- Phần 2**(tiếp đến "chỉ với một chân duy nhất"): Bài học chú lính chì gợi ra cho tác giả  **- Phần 3**(còn lại): Suy nghĩ về kết thúc của truyện “Chú lính chì dũng cảm”    **6. Tóm tắt:**  Tác giả của bức thư khâm phục sự dũng cảm của chú lính chì vì: dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào. Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ tên phù thủy trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong lòng cống tối om. Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột và có cá đã nuốt chửng chú. May thay, chị bếp nhà cậu chú đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa. Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn. | |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
|  | | |  |
| **\* NV1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **H:** *Lí do nào khiến cậu bé viết bức thư này gửi chú lính chì?*  - Viết thư để bày tỏ tình cảm đối với nhân vật yêu thích của mình: chú lính chì  **H:** *Tác giả bức thư đã bày tỏ tình cảm gì với nhân vật chú lính chì dũng cảm?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  + Dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào.  + Chú vẫn vui vẻ cùng người anh em của mình sống trong ngôi nhà, được “cậu chủ yêu mến” và “cô vũ nữ ba lê bằng giấy” yêu thương.  + Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ “tên phù thủy” trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong “lòng cống” tối om.  + Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột hôi hám và có cá đã nuốt chửng chú.  + Sau này, may mắn con cá ấy lại bị đưa về chính nhà cậu chủ, chị bếp nhà cậu chủ đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa.  + Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn.  **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức: *Tác giả của bức thư đã dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ, trân trọng cho nhân vật chú lính chì dũng cảm: Một chú lính chì có trái tim ấp ám, bản lĩnh dũng cảm luôn sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi hiểm nguy; gợi lên những suy ngẫm sâu sắc về nhân vật chú lính chì.*  **NV 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cho học sinh thảo luận  **H:***Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  *Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học về cái nhìn thực tế về hiện thực trong cuộc sống đầy rẫy khó khăn mà không phải lúc nào cũng có cái kết như ta mong muốn. Đứng trước những thử thách của cuộc sống, hãy chấp nhận và đối mặt với nó, bởi khi đó bạn sẽ có thể được có những thành quả của thành công, vượt ra khỏi mảnh đất chật hẹp vốn thuộc về mình.*  **NV 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **H:***Tác giả bức thư suy nghĩ như thế nào về kết thúc không có hậu của truyện* ***Chú lính chì dũng cảm****? Em có đồng ý với điều đó không?*  GV có thể cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để tự do trình bày ý kiến của mình.  **Trả lời:**  - Tác giả muốn nói lời cảm ơn đến nhà văn An-đéc-xen vì cái kết không có hậu trong truyện *Chú lính chì dũng cảm* đã giúp tác giả nhìn nhận về thế giới thực một cách chân thực nhất. Theo em, việc để truyện có cái kết không có hậu là điều hợp lí vì sẽ truyền tải được dụng ý của nhà văn đến với người đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập  **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  *Cuộc đời mỗi người ai cũng phải trải qua thử thách, có người né tránh thử thách, có người sẵn sàng đối mặt với số phận mà không hề lùi bước trước mọi khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần.* | | | **1. Tình cảm của người viết đối với nhân vật chú lính chì**  *- Gửi chú lính chì bé nhỏ yêu quý của tôi!*  *- Câu chuyện về chú luôn chân thực và có ý nghĩa biết nhường nào.*  *- Chú không hề lùi bước trước bất kì mối đe doạ nào.*  *- Chào tạm biệt chú lính chì bé nhỏ.*  *- Gửi tặng chú hoa và nụ hôn của tình yêu*  - Tác giả khâm phục, ngưỡng mộ chú lính chì  - Chú lính chì dũng cảm đã chiến thắng nỗi sợ “tên phù thủy”, vượt qua mọi hiểm nguy  *-> Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết; ngôn ngữ giàu cảm xúc; lập luận chặt chẽ*  *=> Tác giả của bức thư đã dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ, trân trọng cho nhân vật chú lính chì dũng cảm: Một chú lính chì có trái tim ấp ám, bản lĩnh dũng cảm luôn sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi hiểm nguy.*  **2. Bài học chú lính chì gợi ra cho người viết**  - Bài học về lòng dũng cảm, can đảm, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách để vươn lên trong cuộc sống.  ->Lập luận chặt chẽ, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục.  **=> “Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”**  **3. Suy nghĩ về kết thúc của truyện “Chú lính chì dũng cảm”**  - Tác giả của bức thư đã cảm ơn nhà văn An-đéc-xen vì ông đã không viết cái kết có hậu cho truyện “Chú lính chì dũng cảm” vì:  + Theo tác giả của bức thư: Trẻ em chúng ta đang sống trong thế giới thực chứ không phải cổ tích, một thế giới thực vẫn tồn tại chiến tranh, đau thương, tệ nạn ma túy, đói nghèo, …  + Kết thúc không có hậu của An-đec-xen sẽ giúp mọi người nhìn nhận được những mặt trái của cuộc sống thực. Từ đó, chúng ta sẽ tìm cách giải quyết vấn đề có hiệu quả và xây dựng một thế giới tươi đẹp hơn.  **=> Suy nghĩ hết sức nhân văn, có giá trị to lớn.** |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nêu nghệ thuật và nội dung của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  . | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết; ngôn ngữ giàu cảm xúc.  - Cách lập luận chặt chẽ, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản *Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm*là lời bày tỏ tình cảm yêu mến, nể phục của tác giả dành cho nhân vật “chú lính chì” dũng cảm trong truyện cổ tích của An-đéc-xen*.* Đồng thời, tác giả bức thư đã rút ra những bài học ý nghĩa cũng như đưa ra quan điểm cá nhân về kết thúc không có hậu của truyện “Chú lính chì dũng cảm”. | | |

**3. Hoạt động 3, 4: Luyện tập, vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **H: *Hãy giới thiệu với các bạn một nhân vật văn học đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc.***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức | **Bài tham khảo:**  **Bài 1:** Nhân vật cô bé bán diêm trong truyện cổ tích "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen là một cô bé để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi. Cô là một cô bé có tuổi thơ đầy bất hạnh. Cô bé nhà nghèo, mồ côi mẹ từ khi bà em mất, em phải sống cùng với người cha hay đánh đập, mắng nhiếc, chửi rủa. Em sống ở trên gác xép mái nhà lạnh lẽo và tối tăm. Em phải đi bán diêm để kiếm sống qua ngày. Trong một đêm giao thừa, một cô bé đầu trần, chân đất, bụng đói dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày hôm đó em không bán được bao diêm nào. Ngay cả có người nhìn thấy em rao hàng cũng không ai mua một cái và không ném cho em một đồng nào. Em ngồi nép trong một xó tường trong giá rét, nếu em không bán được bao diêm nào thì em sẽ bị cha mắng. Vì vậy em chẳng dám về nhà. Giữa trời giá rét đó em chỉ có một ước mơ duy nhất là có cuộc sống trước đây khi bà và mẹ em còn sống. Ước mơ chính đáng đó cũng là ước mơ chung của bao đứa trẻ bất hạnh khác. Nhưng thương thay, em đã đạt được hạnh phúc đó, khi em cùng bà lên thiên đường. Em hạnh phúc trước khi chết. Đôi má ửng hồng cùng nụ cười trên môi như chứng minh rằng em ra đi thật hạnh phúc. Cái chết của em đã tố cáo xã hội bất công vô cảm. Qua đó tôi thấy được bộ mặt thật của xã hội đương thời tàn nhẫn thiếu tình thương đối với những trẻ em nghèo. |

**------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Tiết: 32, 33 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**( Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và Thực hành Tiếng Việt)**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **“Nhìn hình đoán chữ”**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ.

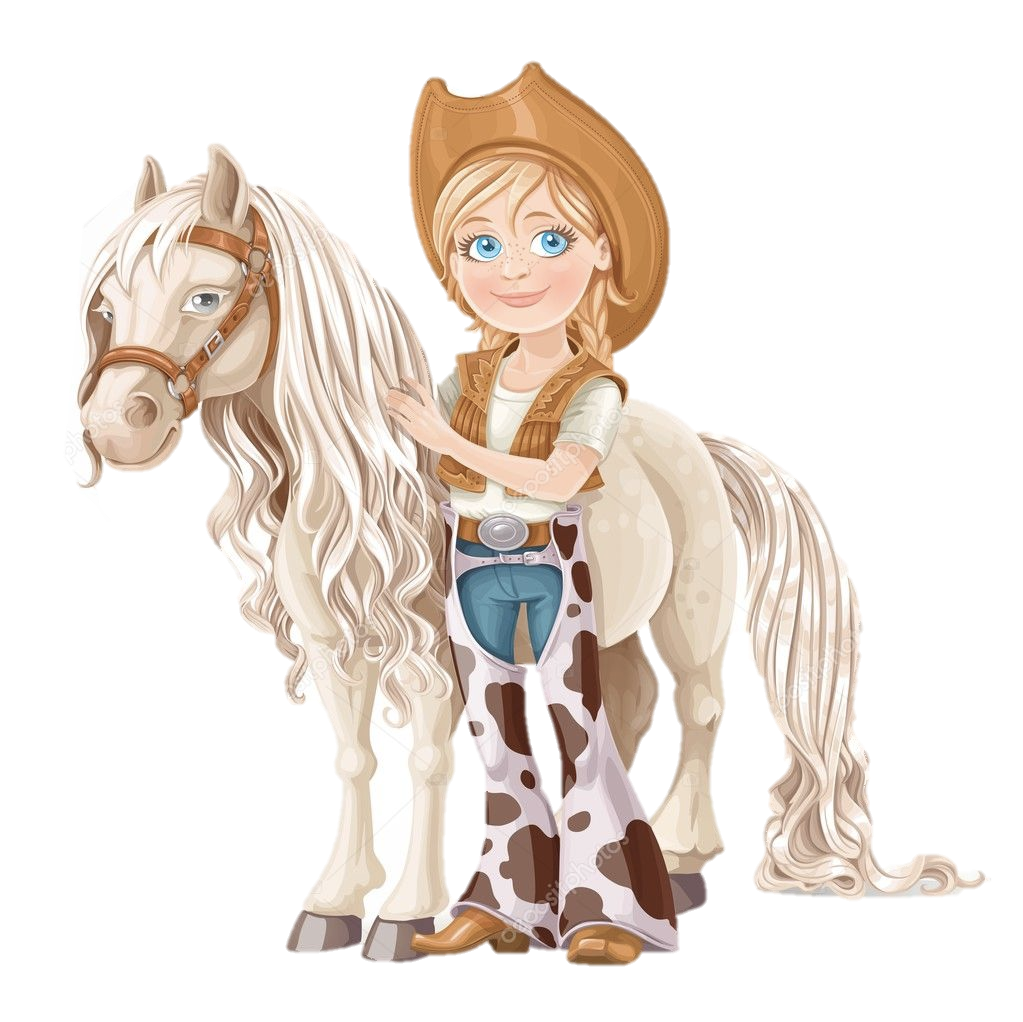
**Câu 1:** QUỐC HỘI



**Câu 2:** Thủ týớng Nguyễn Xuân Phúc và **PHU NHÂN** ðến thãm và làm việc tại thành phố Bussan, Hàn Quốc.

******

**Câu 3: BẠCH MÃ**

******

**Câu 4: QUỐC KÌ**

******

**Câu 5: MẪU TỬ**

******

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Nhìn hình đoán chữ”.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:*

Bằng việc trả lời các câu hỏi ở trò chơi, các em đã ôn lại kiến thức về yếu tố Hán Việt trong chương trình Ngữ văn lớp 6. Bài học hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua tiết học: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT hôm nay nhé!

**2. Hoạt động 2, 3: Hình thành kiến thức mới và luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. LÝ THUYẾT** | |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về yếu tố Hán Việt  **(Nhắc lại lí thuyết (Lớp 6 – Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống)**  **H:** Yếu tố Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là gì?  **H:** Từ ghép Hán Việt có mấy loại? Đó là những loại nào?  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.  *🡪 Yếu tố Hán Việt* có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. Việc hiểu chính xác và sử dụng đúng các yếu tố Hán Việt đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp.  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: nhớ lại kiến thức suy nghĩ và trả lời miệng.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi HS khác nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm hiểu nghĩa của một số từ có yếu tố Hán Việt sau:  Quốc gia, biên giới, cột mốc, hải đảo, chủ quyền.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 3; Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả.  Dự kiến sản phẩm:  quốc gia: nước nhà  biên giới: Đường phân định phạm vi lãnh thổ hai nước.  cột mốc:Cọc cắm để phân địa giới giữa hai nước.  hải đảo: đảo ngoài biển.  Chủ quyền:. Quyền lực chính trị tối cao của một quốc gia, đối nội có tổ chức cai trị, đối ngoại thì không chịu sự can thiệp của bất cứ nước nào khác.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **GV nhận xét, chốt kiến thức lồng ghép giáo dục QPAN:** từ việc tìm hiểu yếu tố Hán Việt, chúng ta hiểu nghĩa và có ý thức trong việc gìn giữ sự trong sáng của Tiếng Viết, có ý thức tự hào, tự tôn dân tộc: không xem bản đồ có đường lưỡi bò, không xem phim có nội dung xuyên tạc lịch sử…giáo dục học sinh tình yêu tổ quốc. | **I. Lý thuyết:**  **1. Yếu tố Hán Việt**  - Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt  **2. Từ Hán Việt**  - Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.  - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. |
| **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành Tiếng Việt” (SGK/64)**  **NV1:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **H:** *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:*  a. Thông qua tình huống này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của **trí tuệ** dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà ràng buộc chặt chẽ của **quan niệm** phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ.  (Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)  b. Và ở đây, bằng kinh nghiệm về việc quan sát **thiên nhiên** và kinh nghiệm của việc **thực hành** các trò chơi dân gian ở làng quê, em bé nhanh chóng tìm ra đáp án.  (Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)  c. Bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” đạt đến độ **hoàn mĩ** hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính **triết lí**.  (Theo Hoàng Tiến Tựu, *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen*)  **Tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN**  - GV phát phiếu học tập nối cột A và B sao cho đúng. Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút. Giáo viên lấy 5 bài hoàn thành nhanh nhất để chấm. Các HS còn lại chấm chéo cho nhau theo bàn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** | **B** | **Đáp án** | | 1. trí tuệ | **a.** đạo lí về nhân sinh. | **1-c** | | 2. quan niệm | **b.** tiến hành, thực hiện. | **2f** | | 3. thiên nhiên | **c.** sự hiểu biết, thông thái | **3-d** | | 4. thực hành | **d.** tự nhiên. | **4-b** | | 5. hoàn mĩ: | **e.** hoàn hảo, tốt đẹp. | **5-e** | | 6. triết lí | **f.** cách hiểu riêng của  mình về một sự vật, một vấn đề. | **6-a** |   **- GV mở rộng thêm:**  a.  - trí tuệ: là khả năng suy nghĩ và hành động sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết, ý thức chung và cái nhìn sâu sắc.  - quan niệm: là cách hiểu riêng của mỗi người về một sự vật, một vấn đề cụ thể nào đó.  b.  - thiên nhiên: là những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra.  - thực hành: là làm để áp dụng lí thuyết vào thực tế.  c.  - hoàn mĩ: vẻ đẹp hoàn hảo, không tì vết, không khuyết điểm.  - triết lí: là những điều được đúc rút bởi trải nghiệm, được phát biểu ngắn gọn, xúc tích.)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Gv chọn 5 bài nhanh nhất.  - GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.  - HS chấm chéo cho nhau  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức.  **NV 2:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** *Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó.*  **Trò chơi: TIẾP SỨC**  - Chia lớp thành 4 Đội: Mỗi Đội tìm từ ghép Hán Việt cho 2 yếu tố Hán Việt trong thời gian 5 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ghép Hán Việt lên bảng. Sau 5 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!  + Đội 1: **quốc (nước), gia (nhà)**  + Đội 2: **gia (tăng thêm), biến (tai họa)**  + Đội 3: **biến (thay đổi), hội (họp lại)**  + Đội 4: **hữu (có), hóa (thay đổi, biến thành)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | **1** | quốc (nước) | quốc gia, … | | **2** | gia (nhà) | gia đình, … | | **3** | gia (tăng thêm) | gia vị, … | | **4** | biến (tai họa) | tai biến, … | | **5** | biến (thay đổi) | biến hình, … | | **6** | hội (họp lại) | hội thao, … | | **7** | hữu (có) | hữu tình, … | | **8** | hóa (thay đổi, biến thành) | tha hóa, … |   https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/untitled_493.png?itok=SQquoRIJ  - GV hướng dẫn HS giải thích ý nghĩa của một số từ Hán Việt HS tìm được. | **II. Thực hành Tiếng việt**  **Bài tập 1/64**  a. **trí tuệ:** sự hiểu biết, thông thái.  **quan niệm:** cách hiểu riêng của   mình về một sự vật, một vấn đề.  b. **thiên nhiên:** tự nhiên.  **thực hành:** tiến hành, thực hiện.  c. **hoàn mĩ:** hoàn hảo, tốt đẹp.  **triết lí:** đạo lí về nhân sinh.  **Bài tập 2/64** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | 1 | Quốc (nước) | - Quốc kì: lá cờ tượng trưng cho một đất nước  - Tổ quốc: đất nước  - Quốc ca: bài hát chính thức của một nước  - Quốc ngữ: tiếng nói chung của cả nước  (đế quốc, quốc hiệu, quốc gia, cường quốc, quốc kì, quốc vượng, quốc tế,…) | | 2 | Gia  (nhà) | - Gia phong: tập quán hành vi của một gia tộc lưu truyền từ đời này qua đời khác.  - Gia chủ: người đứng đầu trong nhà.  - Gia sư: thầy dạy tại nhà  - Gia sản: tài sản trong nhà | | 3 | Gia (tăng thêm) | - Gia nhập: tham gia  - Gia tăng: thêm, tăng lên | | 4 | Biến (tai họa) | - Biến cố: tai họa, sự việc không may xảy ra  - Nguy biến: việc không may xảy ra tới thình lình, có thể gây tai hại. | | 5 | Biến (thay đổi) | - Biến hóa: thay đổi  - Biến động: thay đổi lơn có ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. | | 6 | Hội (họp lại) | - Hội nghị: cuộc họp  - Hội kiến: cuộc gặp gỡ, hẹn gặp | | 7 | Hữu (có) | - Hữu hiệu: có tác dụng, hiệu lực.  - Hữu ích: có ích. | | 8 | Hóa (thay đổi, biến thành) | - Cảm hóa: làm xúc động người khác, khiến cho thay thay đổi khí chất, bỏ ác theo thiện.  - Tiến hóa: thay đổi trở nên tốt đẹp hơn. | | |
| (Giải nghĩa:  - quốc gia: là một khái niệm địa lý và chính trịđể chỉ về một lãnh thổ có chủ quyền, một chính quyền và những con người của các dân tộc có trên lãnh thổ.  - quốc kỳ: lá cờ của một đất nước.  - quốc bảo: chỉ vật khí của đất nước, quốc gia.  - gia đình: là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.  - gia bảo: bảo vật của gia đình.  - gia phong: nề nếp, quy định của một gia đình.  - gia vị: là thêm vào món ăn các loại thực phẩm, thực vật chứa tình dầu tạo mùi thơm hoặc các hợp chất hóa học  - gia tăng: là nâng cao lên, thêm vào  - tai biến: là sự việc gây vạ bất ngờ  - biến cố: là sự kiện xảy ra gây ảnh hưởng lớn và có tác động mạnh đến đời sống xã hội, cá nhân.  - biến chứng: sự việc, tình hình đột ngột chuyển biến theo chiều hướng xấu, thường dùng cho sức khỏe.  - hội thao: là cuộc gặp mặt của một nhóm người có cùng một mối quan tâm chung tại một địa điểm và thời gian đã định trước để tranh luận về nội dung quan tâm  - hội tụ: là gặp nhau cùng một thời điểm.  - hội thảo: cùng gặp nhau để thảo luận, bàn bạc về một vấn đề.  - hữu hình: là những sự vật, hiện tượng có thể nhìn thấy được như bút, thước, quần áo…  - hữu ích: là có ích lợi.  - tha hóa: là trở nên khác đi, biến thành cái khác.  - chuyển hóa: là biến đổi sang dạng hoặc hình thái khác.  - biến hóa: biến đổi sang trạng thái, hình dạng, tính chất khác.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm lần lượt lên bảng ghi  - Giáo viên: quan sát, theo dõi, hướng dẫn  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả: Quan sát kết quả bài làm của mỗi Đội.**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên cùng HS nhận xét, chấm điểm, đánh giá kết của của mỗi Đội.  - Trao thưởng  **NV 3:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.  - GV mời 3 HS lên bảng đặt câu.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - 3 HS lên bảng làm bài tập  - HS còn lại làm vào vở  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS đặt câu, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **NV 4:**  - **Thảo luận nhóm bàn**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **H:** *Trong câu sau, nếu thay từ “tôn vinh” bằng từ “khen ngợi” thì ý nghĩa của câu có thay đổi không? Theo em, cách dùng từ nào hay hơn? Vì sao?*  “Để tôn vinh trí tuệ dân gian, người kể chuyện đã xếp đặt tình huống để cho người ra đố ở vị trí sứ giả nước ngoài, thậm chí là một nước lớn hơn đang “lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta”, mà nếu không trả lời được thì quốc gia sẽ phải “tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng”. (Theo Trần Thị An, “Em bé thông minh” – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian)  (- Trong câu, nếu thay từ "tôn vinh" bằng từ "khen ngợi" thì ý nghĩa của câu sẽ bị thay đổi.  - Dùng từ "tôn vinh" ở vị trí này là hợp lí bởi từ mang ý nghĩa được tôn lên vị trí cao vì có năng lực đặc biệt, sẽ khẳng định được trí tuệ dân gian mạnh hơn từ "khen ngợi".)  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**  - GV nhận xét, đánh giá. | **Bài tập 3 trang 64**  - **Quốc kì** của nước Việt Nam là lá cờ đỏ sao vàng.  - **Hội nghị** dự kiến sẽ kết thúc vào ngày mai.  - Con người **tiến hóa** từ một loài vượn cổ.  - Chiếc chuông cổ này được chỉ định là **quốc bảo**.  - Dù cuộc sống bôn ba, vất vả thì gia đình vẫn phải giữ nề nếp, **gia phong**.  - Tình bình bệnh của cậu Ba bỗng **biến chứng** xấu.  **Bài tập 4 trang 64**  - Nếu thay từ “tôn vinh” bằng từ “khen ngợi” thì ý nghĩa của câu sẽ bị thay đổi.  - Từ “khen ngợi” chỉ là sự công nhận còn từ “tôn vinh” có giá trị ca ngợi, biểu thị danh hiệu cao quý. Trí tuệ dân gian là một phẩm chất, năng lực đặc biệt, nó đáng được tôn vinh chứ không phải được công nhận nên phải dùng từ “tôn vinh”. |

**3. Hoạt động 4: Vận dụng**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn)**

**\* Bước 3: Báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết Viết chính)**

**\* Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)

***Đoạn văn tham khảo***

**Đoạn 1:** Trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử, đất nước ta phải trải qua bao trận chiến khốc liệt và đương đầu với nhiều kẻ thù mạnh. Nhưng với tinh thần **đoàn kết** và **kiên cường** trong chiến đấu, đất nước ta đã giành được nền độc lập như ngày hôm nay. Nhân dân ta đã chấm dứt hàng trăm năm sống dưới ách gông cùm, **nô lệ** của của thực dân, **phong kiến**. Và ngày hôm nay, cả dân tộc lại cùng nhau chung sức, tiếp tục xây dựng đất nước ngày càng **phồn vinh**, giàu đẹp. Đó là truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta.

**Đoạn 2:** Hai tiếng “gia đình” vang lên gợi biết bao niềm **thiêng liêng**, yêu mến**. Gia đình** là mái nhà nơi cha mẹ dựng xây bằng tình yêu thương. Từ tình yêu thăm thiết ấy, những đứa con đẹp đẽ, ngoan hiền cất tiếng khóc chào đời trong niềm vui khôn xiết của cả cha và mẹ. Bởi vậy, gia đình là nơi gắn kết chúng ta bằng sợi dây ruột thịt vô cùng thiêng liêng. Cảm động hơn, gia đình là nơi bắt nguồn những tình cảm vô cùng cao đẹp tình vợ chồng, tình **mẫu tử**, tình **phụ tử**, tình anh chị em, … Minh chứng cho những những tình cảm đó không chỉ có những cảm xúc cá nhân của mỗi chúng ta dành cho người thân trong gia đình mà còn có dòng sông văn học tuôn chảy bao đời nay cũng lấy đó làm đề tài bất tận.

**Tiết 34**

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG”**

(Theo Minh Khuê)

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

“Chiếc lá cuối cùng” - chiếc lá giả trên cây

Ðýợc vẽ ra trong ðêm mýa gió rét

Ðýợc vẽ ra từ tấm lòng cao ðẹp

Và tình ngýời nhân ái bao la

Cụ Bõ-men ngýời hoạ sĩ tài hoa

Ðã cứu sống một tâm hồn còn trẻ

Chẳng quản tuyết rõi, ðêm ðông lạnh giá

Lặng lẽ…âm thầm…vẽ chiếc lá trong ðêm

Có biết ðâu rằng trong ðêm mýa tuyết rõi

Cụ Bõ-men vì tình yêu con ngýời

Cứu sống Giôn-xi cụ ra ði mãi mãi

Ðể lại cho ðời một kiệt tác “hồi sinh”.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV đọc bài thơ: “Nghĩ về kiệt tác của cụ Bõ-men”

H: Em có cảm nhận gì về bài thơ trên? Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã để lại tình cảm, cảm xúc gì cho tác giả qua bài thơ đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**

- GV: Yêu cầu HS trình bày.

- HS: trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Từ học sinh chia sẻ, GV dẫn vào bài mới: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.Đó là sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”…*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **I. HƯỚNG DẪN ĐỌC** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS đọc to, diễn cảm văn bản  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét giọng đọc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. | | | **I.Trải nghiệm cùng văn bản :**  **1. Đọc** |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | | | |
|  | | **II.Suy ngẫm và phản hồi:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*  **H:** ***Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản****"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng****"?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Đọc kĩ văn bản, xác định các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng để vẽ sơ đồ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS  - Chốt kiến thức.  + *Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng*  **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/tai_xuong_2_0.png?itok=xaXpFnb8  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0315/capture_4.PNG  => Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản. | | **1. Các yếu tố nghị luận trong VB**  Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản. | |
| **NV2. Mục đích và đặc điểm của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **Nhiệm vụ 1:** Văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng*** được viết ra nhằm mục đích gì?  - **Nhiệm vụ 2:** Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong “Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*” và nêu tácdụng của các đặc điểm ấy trong việc thực hiện mục đích văn bản bằng cách hoàn thành bảng sau:  (thời gian thảo luận 5 phút)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/untitled_494.png?itok=Aq-ciOMm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  ***NV1:*** Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (4 nhóm)  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**  ***\* NV 1:***  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  **HS:**  - HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  ***\* NV 2:***  **GV:**  - Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS:**  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**  ***\* NV 1:*** Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.*  ***\* NV 2:*** | |  | |
| **2. Mục đích và đặc điểm của văn bản**    Văn bản thuyết phục người đọc hiểu được: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.* | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** | **Biểu hiện trong văn bản Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”** | **Tác dụng trong việc thực hiện mục đích văn bản** | | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận | Đây là một truyện ngắn đặc sắc và hấp dẫn, để lại nhiều ấn tượng cho bạn đọc | Xác định, làm nổi bật ý kiến được nêu | | Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm | - Chi tiết chiếc lá cuối cùng  - Kết thúc bất ngờ | Dẫn chứng các chi tiết nổi bật từ văn bản | | Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ | - Chi tiết chiếc lá cuối cùng:  + Bằng chứng: Sự tồn tại của chiếc lá làm cho tâm trạng nhân vật bất hạnh và có phần Giôn-xi được hồi sinh.  “Như đầu truyện đã viết....bất tử hóa nó”; “Sự hồi sinh ấy thật kì diệu...vẽ vịnh Na-pô-li”  - Kết thúc bất ngờ:  + Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi về cái chết của cụ Bơ-mơn, về kiệt tác chiếc lá cuối cùng  + Người kể chuyện không nói hộ ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn, lại cố ý bỏ qua không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào.  “Cụ Bơ-mơn đang khỏe mạnh...qua đời”; | Lập luận có sức thuyết phục, chứng minh làm sáng tỏ, xác nhận cho ý kiến. | | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí | - Trước hết, sức hấp dẫn của truyện đến từ chi tiết chiếc lá cuối cùng  - Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ | Thuyết phục, dễ hiểu, cuốn hút người đọc. | | | | |

**3. Hoạt động 3, 4: Luyện tập và vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ: *Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  ***NV1:*** Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (4 nhóm)  *từ Hán Việt.*  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên  **B4: Kết luận, nhận định**  Nhận xét ý thức làm bài của HS | HS viết đoạn văn  **Đoạn văn tham khảo**        Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta sự hiểu biết, cái nhìn bao quát và đi đến những hành động đúng đắn trong cuộc sống. Con người có đôi mắt để nhìn đời phân biệt đục-trong, phải-trái, đúng-sai… Tuy nhiên, nếu chỉ đánh giá mọi việc bằng đôi mắt của mình, có khi chúng ta sẽ mắc phải những sai lầm. Suy nghĩ khác, góc nhìn khác giúp ta có cái nhìn toàn diện về sự vật, hiện tượng. Nó còn giúp ta tránh được lối suy nghĩ **thiển cận**, **phiến diện** và bồi dưỡng cho ta tri thức mới mẻ. Biết suy nghĩ khác biệt tạo nên tính năng động trong tư duy. Đó chính là cơ sở và động lực để con người sáng tạo và thành công. Steve Jobs đã không ngần ngại suy nghĩ về một sản phẩm khác biệt trong nhiều năm. Cuối cùng ông đã tạo ra được chiếc Iphone huyền thoại. Harland Sanders đến gần cuối cuộc đời mới nhận ra sự khác biệt của món gà rán do ông sáng tạo và gặt hái thành công lớn sau bao năm tháng vất vả. Tất cả là nhờ có điểm nhìn khác biệt, suy nghĩ khác biệt. Như vậy, để nhận định vấn đề một cách đúng đắn, chúng ta phải thay đổi góc nhìn, phải đặt mình vào vị trí của mọi người đến tìm hiểu mọi việc một cách toàn diện hơn. “Không có gì tầm thường trên thế giới. Tất cả đều phụ thuộc vào góc nhìn”. |

**Tiết 35,36**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Nêu những chủ đề em được học? Nêu nội dung cụ thể từng bài?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | Chủ đề 1: “Tiếng nói của vạn vật”  Thể loại: Thơ bốn chữ, năm chữ  Chủ đề 2: Bài học cuộc sống;  Thể loại: truyện ngụ ngôn  Chủ đề 3: Những góc nhìn văn chương  Thể loại: Văn bản nghị luận |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (Ôn tập)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS:  + Nhắc lại các khái niệm đã học : Thơ 4 chữ 5 chữ, truyện ngụ ngộn và đặc điểm văn bản nghị luận  + Thảo luận theo nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành nội dung theo yêu cầu của **phiếu học tập số 1:**  *+ Theo em thế nào là Tiếng nói của vạn vật?*  *+ Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề*  *+ Đặc điểm thơ 4 chữ 5 chữ*  **phiếu học tập số 2:**  *- Truyện ngụ ngôn là gì?*  *- Truyện ngụ ngôn có những ðặc ðiểm nào?*  *- Em hiểu nhý thế nào là ðề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống, không gian và thời gian trong truyện?*  **phiếu học tập số 3:**  - Mục đích và nội dung chính của VB nghị luận?  - Các văn bản nghị luận được học?  - Công dụng của dấu chấm lửng?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng. | **I. Nội dung ôn tập:**  Chủ đề: “Tiếng nói của vạn vật”  - Thể loại: Thơ bốn chữ, năm chữ  - Các văn bản:  + Lời của cây  + Sang thu  + Ông Một  - Đặc điểm thơ 4 chữ 5 chữ  - Công dụng của phó từ  Chủ đề 2: Bài học cuộc sống;  Thể loại: truyện ngụ ngôn  \* Có các yếu tố:  - Đề tài  - Nhân vật  - Sự kiện(sự việc)  - Cốt truyện  - Tình huống  - Không gian  - Thời gian  Chủ đề 3: Những góc nhìn văn chương  - Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một tiểu loại của VB nghị luận. Mục đích là viết ra để bàn về một tác phẩm văn học và có những đặc điểm riêng tương ứng  - Dấu chấm lửng |

**3. Hoạt động 3, 4: Luyện tập, vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi (GV cho học sinh tiếp cận với đề TN)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | **II. Luyện tập:**  **1. Đọc văn bản sau:**  **CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**  *Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,…*  *Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:*  *“Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.*  *Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*  *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đấy nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới…*  (Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, 2004)  **Thực hiện các yêu cầu sau:**  **Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?**  A. Tự sự  B. Miêu tả  C. Biểu cảm  D. Nghị luận  **Câu 2. Văn bản trên được kể theo lời của ai?**  A. Lời của hạt lúa thứ nhất  B. Lời của hạt lúa thứ hai  C. Lời của người kể chuyện  D. Lời kể của hai cây lúa  **Câu 3.** Chi tiết chính trong văn bản trên là chi tiết nào?  A. Người nông dân  B. Cánh đồng  C. Hai cây lúa  D. Chất dinh dưỡng  **Câu 4.** Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?  A. Vì nó muốn được ra đồng cùng ông chủ.  B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới  C.Vì nó không thích ở mãi trong kho lúa  D. Vì khi được gieo xuống đất nó sẽ nhận được nước và ánh sáng.  **Câu 5.** Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*  A. Thời gian trôi qua  B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô  C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng  D. bị héo khô nơi góc nhà  **Câu 6.** Từ ***sung sướng*** trong văn bản trên thuộc loại từ nào?  A. Từ ghép đẳng lập  B. Từ ghép chính phụ  C. Từ láy  D. Từ láy toàn bộ  **Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*  A. So sánh  B. Nhân hóa  C. Ẩn dụ  D. Hoán dụ  **Câu 8.** Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?  A. Sự hèn nhác, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa  B. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình.  C. Sự vô cảm không quan tâm đến người khác.  D. ……..  **Câu 9.** Em hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản trên?  **Câu 10.** Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong ăn bản trên?  \* Về nhà thực hiện:  2- Viết bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc đoạn thơ sau:   |  | | --- | | *Hạt gạo làng ta Có công các bạn Sớm nào chống hạn Vục mẻ miệng gàu Trưa nào bắt sâu Lúa cao rát mặt Chiều nào gánh phân Quang trành quết đất* |   Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hoá dân tộc, 1999 |

**……………………………………………………………………………………**

***Tiết 37,38*** KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kĩ năng:**

- Hệ thống kiến thức Ngữ văn 7 từ tuần 1 đến tuần 8

**-** Nắm được kĩ năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng.

**-** Đánh giá được năng lực đọc- hiểu và tạo lập văn bản.

**-** Có khả năng diễn đạt, sử dụng từ ngữ khi viết đoạn văn, bài văn.

- Biết phát huy ưu điểm và khắc phục những hạn chế qua bài làm.

**2. Phẩm chất:**

- HS trung thực trong kiểm tra; tự tin làm bài độc lập.

- Có trách nhiệm với việc học của bản thân.Yêu thích môn Ngữ văn.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA :**

- Kiểm tra tập trung theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, HS làm bài trên giấy A4

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ năm chữ . | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***0,5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***3*** | ***0*** | ***1*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | **5%** | **15%** | **15%** | **30%** |  | **10%** |  |
| **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; hiện tượng từ ngữ trong tiếng việt; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, …  **\* Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  **\* Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. | | 5TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ . | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **5 TN** | **3TN** | **3 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT H.PHÚ HÒA**  **TR. THCS NGUYỄN THẾ BẢO** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **NĂM HỌC: 2024-2025**  **Môn: Ngữ Văn-Lớp 7** |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

**Tế Hanh**

*Sáng nay mùa thu sang*

*Cha đưa con đi học*

*Sương đọng cỏ bên đường*

*Nắng lên ngời hạt ngọc*

*Lúa đang thì ngậm sữa*

*Xanh mướt cao ngập đầu*

*Con nhìn quanh bỡ ngỡ*

*Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước*

*Thu 1964*

*(In trong* ***Khúc ca mới****, Tr.32, NXB Văn học,1966)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của bài thơ trên ?

A. Tự do C. Lục bát

B. Năm chữ D. Bốn chữ

**Câu 2.** Hiện tượng từ ngữ nào sau đây nêu đúng mối quan hệ về nghĩa của từ “đường” trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường"?

A. Hiện tượng đồng âm C. Hiện tượng đồng nghĩa

B. Hiện tượng trái nghĩa D. Hiện tượng đa nghĩa

**Câu 3**. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

A. Mẹ C. Cha

B. Con D. Bà

**Câu 4.** Cụm từ *"nhìn quanh bỡ ngỡ"* thuộc cụm từ nào sau đây?

A. Cụm danh từ C. Cụm động từ

B. Cụm tính từ D. Cụm chủ vị

**Câu 5**. Người cha muốn nhắn gởi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước.*

A. Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.

B. Con hãy luôn luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. Con luôn phải có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.

C. Con hãy biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu. Hãy quan tâm, thấu hiểu với những vất vả của cha.

D. Khắc sâu tấm lòng yêu con của cha, đồng thời thể hiện sự tin tưởng, hi vọng ở con.

**Câu 6.** Dòng nào sau đây giải nghĩa đúng nhất tác dụng chủ yếu của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ *"Lúa đang thì ngậm sữa"*?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

**Câu 7.** Theo em, hình ảnh “ hạt ngọc ” được hiểu là gì?

A. Nắng mùa thu C. Hương lúa mùa thu

B. Gió mùa thu D. Sương trên cỏ bên đường

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây nói đúng nhất chủ đề của bài thơ?

A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con.

B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.

C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha.

D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

**Câu 9**. Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

**Câu 10**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc sau khi đọc bài thơ.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Từ bài thơ “ Đưa con đi học ” của nhà thơ Tế Hanh em hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi đọc (khoảng 300 chữ ).

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | **B** | 0,5 |
| **2** | **A** | 0,5 |
| **3** | **C** | 0,5 |
| **4** | **C** | 0,5 |
| **5** | **A** | 0,5 |
| **6** | **A** | 0,5 |
| **7** | **D** | 0,5 |
| **8** | **A** | 0,5 |
| **9** | - Nêu được suy nghĩ của bản thân về tình phụ tử thiêng liêng. | 1,0 |
|  | **10** | - Hs nêu được bài học cụ thể, có ý nghĩa:  + Phải luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ.  + Luôn có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.  + Học tập, rèn luyện thật tốt để mẹ cha được vui lòng  + Luôn biết trân trọng những khoảnh khắc được bên mẹ, bên người thân… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn biểu cảm | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong bài thơ. | 0,25 |
| c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong bài thơ.  HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu được bài thơ ,tác giả .  - Nêu được cảm xúc của bản thân  -Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc  \* Nội dung:  -Khái quát vẻ đẹp trên đường đi học được tác giả miêu tả qua những chi tiết:  +Cảnh vật buổi sáng mùa thu trên quê hương.  +Sương đọng cỏ bên đường.  +Nắng lên ngời hạt ngọc.  +Lúa đang thì ngậm sữa.  -Tâm trạng của đứa trẻ được nêu trong bài thơ: bỡ ngỡ, lạ lẫm, lời động viên của người cha,…  -Bài thơ như một thông điệp tôn trọng và biết ơn đối với đấng sinh thành (đặc biệt ở đây là tình phụ tử), khuyến khích mỗi người chúng ta luôn giữ gìn và trân trọng tình cảm gia đình.  \* Nghệ thuật: Thể thơ 5 chữ ngắn gọn, gần gũi.  - Bài học cho bản thân. | 0.25  0.5  1.5  0.25 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp:  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | e. Sáng tạo:  Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,5 |

**- Chuẩn bị bài mới:** **Đọc mở rộng theo thể loại:** “*Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng***”.

+ Đọc văn bản (SGK/65-66)

+ Trả lời các câu hỏi phần “Hướng dẫn đọc” (SGK/66-67) và hoàn thành phiếu học tập.

**Tiết 39-40 PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT**

**TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian: 2 tiết**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV đặt câu hỏi: Sau khi đọc xong một tác phẩm văn học về truyện ngắn hay tiểu thuyết chắc hẳn có những nhân vật để lại những ấn tượng sâu sắc cho em, vậy muốn chia sẻ với người khác về ý kiến, quan điểm của em về nhân vật ấy thì em có thể chia sẻ bằng cách nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trao đổi và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi 2-3 HS bất kì trả lời  - HS trình bày sản phẩm. HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới | **\* HS chia sẻ:** có thểviết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.67-68, thảo luận và trả lời câu hỏi:  + Bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học thuộc thể văn gì, viết về điều gì?  + Khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, em cần chú ý những yêu cầu nào?  + Trình bày bố cục bài viết phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  - Sau khi trả lời các câu hỏi, HS điền vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu đối với kiểu bài** | | | Nội dung |  | | Lí lẽ |  | | Bằng chứng |  | | Bố cục bài viết |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi với bạn cùng bàn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (SGK/tr.68 - 69), chú ý đến những phần đánh số và khung thông tin tương ứng. Sau đó, GV cho HS thảo luận nhóm đôi với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản bên dưới (SGK/tr.69).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Cá nhân HS đọc văn bản mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có).  - HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng:  Qua phần phân tích văn bản mẫu, HS cần:  + Nhận biết bố cục của bài văn, chức năng của ba phần trong bài văn văn.  + Nhận ra vai trò quan trọng lí lẽ và bằng chứng cũng như việc sắp xếp lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK/tr.69**  - GV yêu cầu HS kể tên 4 bước trong quy trình viết một đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa vào câu trả lời của HS, GV dẫn dắt HS ôn lại quy trình viết trong hoạt động tiếp theo. | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**  **1. Khái niệm:**  - Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật văn học thuộc thể văn nghị luận văn học. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của các nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu đối với kiểu bài** | | | Nội dung | - Giới thiệu được nhân vật cần phân tích  - Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm khái quát từ nét tính cách, phẩm chất nhân vật. | | Lí lẽ | Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục để làm sáng tỏ ý kiến | | Bằng chứng | Đưa ra bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ | | Bố cục bài viết | - Mở bài: Giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật  - Thân bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu them về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật. |   **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  ***Câu 1***:  - Bài văn viết về nhân vật cụ Bơ-mơn trong truyện Chiếc lá cuối cùng của nhà văn Ô-Hen-ri.  - Người viết đã trình bày ý kiến về đặc điểm nhân vật cụ Bơ-mơn: bác họa sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát vọng nghệ thuật cao đẹp.  ***Câu 2***: Khi trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật cần chú ý:  - Lí lẽ cần thuyết phục, rõ ràng.  **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **\* Quy trình viết gồm bốn bước:**  Bước 1: chuẩn bị trước khi viết  Bước 2: tìm ý và lập dàn ý  Bước 3: viết bài  Bước 4: xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |

|  |  |
| --- | --- |
| **QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN** **PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.** | |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết |  |
|  |
|  |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý |  |
|  |
| Bước 3: Viết bài văn |  |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành thông tin vào bảng theo mẫu.  - GV  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và ghi đáp án vào phiếu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận.  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ. | |  |  | | --- | --- | | **QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC** | | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | - Xác định mục đích | | - Xác định đối tượng người đọc | | - Xác định đề tài  - Thu thập tư liệu | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | - Để tìm ý cho đoạn văn, em hãy:  + Đọc lại toàn bộ tác phẩm thống kê lại biểu hiện các phương diện tạo nên chân dung nhân vật trong tác phẩm  + Rút ra được các đặc điểm nhân vật thể hiện trong tác phẩm  + Khái quát lại tính cách, phẩm chất nhân vật bằng các từ ngữ thích hợp | | - Lập dàn ý theo sơ đồ hướng dẫn sau:   |  |  | | --- | --- | | **MỞ BÀI** | * Nhân vật tôi phân tích là: ……………………   - Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật…………………………………... | | **THÂN BÀI** | **1. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:**  – Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật  – Lí lẽ 1: …………………………………………………  – Bằng chứng: …………………………………………………  – Lí lẽ 2: ……………………………………………………  – Bằng chứng: ……………………………………………………  2. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật:  – Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ hai của nhân vật: …………………  – Lí lẽ 1: ………………………………………………………  – Bằng chứng: ……………………………………………………….  – Lí lẽ 2: ………………………………………………………  – Bằng chứng: ………………………………………………………. | | **KẾT BÀI** | – Khẳng định lại ý kiến: ……………………………………………..  – Cảm nghĩ về nhân vật: ……………………………………………. | | | Bước 3: Viết bài văn | - Dựa vào dàn ý, viết bài văn hoàn chỉnh.  - Khi viết, cần chú ý:  + Để bài văn mach lạc, rõ rang cần có những câu văn nêu rõ ý kiến của người viết và sử dụng từ có chức năng chuyển ý  + Có thể trao đổi với những ý kiến khác về nhân vật để tạo sự hấp dẫn cho bài viết  + Khi triển khai bằng chứng, cần tránh kể lại truyện, chú ý phân tích, nêu ý nghĩa của bằng chứng | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | - Xem lại và chỉnh sửa: Dựa vào bảng kiểm SGK/tr.72. | | - Rút kinh nghiệm: Từ bài viết của mình, em rút ra được kinh nghiệm gì về việc viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật văn học? | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Nhân vật cần phân tích:**  **Truyện:**  **Tác giả:** | |
| **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** |
| Ngoại hình |  |
| Lời nói: |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.69. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:  - Với đề tài này, em sẽ viết đoạn văn cho ai, nhằm mục đích gì?  - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?  - Em sẽ chọn viết về đề tài gì  - Em sẽ thu thập tư liệu như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  - GV hỗ trợ, đưa ra bài mẫu vài tư liệu giúp HS hình dung cách làm  - HS thu thập tư liệu theo PBT số 1 (bảng SGK/tr.70)   |  |  | | --- | --- | | **PHT SỐ 1** | | | **Nhân vật cần phân tích:**  **Truyện:**  **Tác giả:** | | | **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** | | Ngoại hình |  | | Lời nói: |  | | Hành động |  | | Suy nghĩ |  | | Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp sau khi thu thập tư liệu vào PHT số 2  - HS góp ý, bổ sung, chỉnh sửa  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. | **IV. Luyện tập**  **Đề bài:** Em hãy viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc  **\* Bước 1: Chuẩn bị viết**  **+ Đối tượng:** người đọc là những người những nhân vật trong tác phẩm văn học nổi tiếng.  **+ Mục đích:** chia sẻ quan điểm, ý kiến của mình về một nhân vật văn học để lại ấn tượng sâu sắc cho bản thân với người đọc.  **+ Đề tài:** viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc.  + **Thu thập tư liệu**: (bảng mẫu của giáo viên đưa ra cho học sinh tham khảo) |

**\* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Sau khi hoàn thành PHT số 2, GV yêu cầu:  (1) HS dựa vào PHT số 2 để tìm ý và điền vào sơ đồ SGK /tr70 như sau:    (2) Lập dàn ý  + Mở bài: giới thiệu nhân vật cần phân tích; nêu ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.  + Thân bài: Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật: Ý kiến về đặc điểm nhân vật; lí lẽ; bằng chứng…  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết; nêu cảm nghĩ về nhân vật.  Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để góp ý cho nhau.  (3) HS sẽ viết đoạn văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Với nhiệm vụ (1,2): HS thực hiện tại lớp.  - Với nhiệm vụ (3): HS thực hiện tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm. HS khác thảo luận, bổ sung (nếu có).  - Bài văn của HS sẽ được đọc trong hoạt động tiếp theo (Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định. | **\* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Sản phẩm là sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS.  **\* Bước 3: Viết bài**  Sản phẩm bài viết phân tích nhân vật văn học của HS |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi và dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72 để đánh giá, nhận xét về bài viết của bạn.  GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72.  - HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài viết của bạn (dựa trên bảng kiểm).  - Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm của mình và các bạn hay không?) Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý. | **\* Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  **- Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.  **Sản phẩm**: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (Thực hiện tại nhà)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài viết đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  (1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bà viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố. | **\* Sản phẩm**: Bài viết đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … |

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Nhân vật cần phân tích:**  **Truyện:**  **Tác giả:** | |
| **Phương tiện** | **Biểu hiện trong truyện** |
| Ngoại hình |  |
| Lời nói: |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |

**BẢNG KIỂM**



**......................................................................................................................**

**Tiết 41, 42**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI**

**Thời gian : 2 tiết**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv đặt câu hỏi:*  *+ Người mẹ trong đoạn clip trên có yêu thương cô bé không. Tại sao bà lại nói như vậy?*  *+ Hành động của cô bé như vậy là đúng hay sai?*  *+ Cô có yêu mẹ mình không?*  *- GV chiếu clip*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem clip  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả .**  - Gv yêu cầu hs trả lời.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận nhận định .**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài  Trong clip trên người mẹ , cô gái đúng hay sai?. Đó chính là một vấn đề mà chúng ta cần thảo luận. Và đó cũng là nội dung của tiết học ngày hôm nay. | - Hs chia sẻ ý kiến:  - Người mẹ trong đoạn clip trên rất yêu thương con nhưng vì cuộc sống mưu sinh nên người mẹ có lời nói và hành động chưa tế nhị với con.  - Cô bé vì quá bức xúc nên có thái độ và hành động không đúng nhưng cô rất yêu mẹ mình. |

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + Gv chia lớp thành 4 nhóm và giao hs làm dàn ý ở nhà trước. Mỗi nhóm một đề khác nhau.  + GV phát PHT số 1 cho hs.  ***+ GV yêu cầu:***  *xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | Mục đích bài nói |  |  | | Người nghe |  |  | | Thời gian |  |  | | Không gian |  |  |   + **Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **Hoạt động 2: Thảo luận** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Trong nhóm cử một đại diện làm nhóm trưởng và thư ký,*  *+ Nhóm trưởng điều hành nhóm, thư ký ghi chép lại các ý kiến của các bạn*  *+ Phản biện ý kiến của mình vào phiếu học tập số 3*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận.  - Hs phản biện ý kiến của mình theo PHT số 3.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs bày tỏ ý kiến quan điểm riêng cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn | | **2. Thảo luận:**  Sản phảm của nhóm sau khi đã thống nhất. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 3: Trình bày .** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận sau khi đã chỉnh sửa.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trình bày**  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Khi nói cần kết hợp ngôn ngữ hình thể, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt…  - Sử dụng những từ ngữ liên kết: mặt khác, song song, bên cạnh đó, tuy nhiên…  - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm gây sự chú ý từ người nghe.  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước.  - Trình bày theo trình tự đã chuẩn bị. |

**3. Hoạt động 3, 4: Luyện tập - vận dụng:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt ðộng của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Býớc 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Býớc 2: HS trao ðổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Hs nộp sp  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV thu nhập sản phẩm của hs qua mail hoặc zalo  - Gv nhận xét ýu, khuyết bài của hs. | - Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

**PHT số 2: Tìm ý , lập dàn ý**

**Ý KIẾN CỦA TÔI**

**Lí lẽ 1**

…

**Lí lẽ 2**

…

**Lí lẽ 3**

…

**Bằng chứng 1.1, 1.2**

…

**Bằng chứng 2.1, 2.2**

…

**Bằng chứng 3.1, 3.2**

….

**PHT số 3: Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phản biện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến cần phản hồi** | **Ý kiến đồng tình của các thành vên trong nhóm** | **Ý kiến phản bác của các thành vên trong nhóm** |
| Ý kiến 1:……… |  |  |
| Ý kiến 2 :……… |  |  |
| Ý kiến 3:……… |  |  |

**Tiết 43**

**ÔN TẬP**

**Thời gian: 1 tiết**

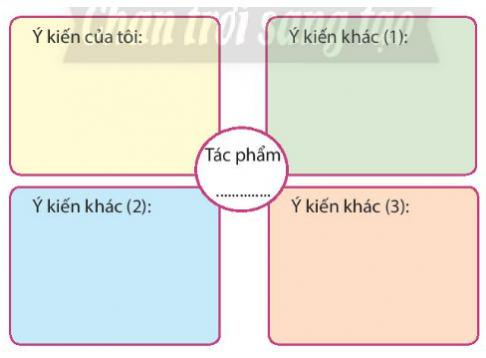
**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức trò chơi nhớ lâu, nhớ kĩ**  **-** Gv giao nhiệm vụ:  - Lớp làm 2 nhóm, yêu cầu HS gấp hết SGK, tập vở lại.  - Lớp chia thành 2 đội. Hai đội ghi nhanh vào Phiếu học tập 01 nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 8: Những góc nhìn cuộc sống theo mẫu **PHT số 1**  **Býớc 2: HS trao ðổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs trao đổi và điền vào PHT số 1  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Hs trình bày sp  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét ýu, khuyết bài của hs.  - GV dẫn dắt vào bài | **- VB1:** Em bé thông minh - nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian  - **VB2**:Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen.  - **VB3:** Bức thư chú lính chì dũng cảm.  - **TV:** Nghĩa của từ Hán Việt.  - **VB4:** Sức hấp dẫn của truyện ngắn chiếc lá cuối cùng.  - **Viết:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  - **Nói và nghe:** Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức(ôn tâp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hoạt động 1: Ôn tập**   1. **Ôn tập phần viết.**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  Hs đọc và trả lời câu hỏi: 1,3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý  **2. Ôn tập văn bản đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  + C*hia lớp thành 4 nhóm.*  *+ Mỗi nhóm hoàn hoàn thành 1 ý bài tập 2 theo bảng trong SGK/75 (PHT số 2)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý  **\* Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 5/75  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt  **\* Hoạt động 3: Nói và nghe**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Bài số 4 hs họat động cá nhân*  *+ Bài số 6 chia sẻ sản phẩm của mình bằng pp hoặc infographic theo mẫu trong sgk/75*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận,  **Bước 4: Kết luận, đánh giá:**  GV nhận xét, chốt | 1. **Ôn tập** 2. **Ôn tập phần viết.**   Câu 1:  - Thể hiện rõ ý kiến của ngýời viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là nhân vật, chi tiết, ngôn từ,..  - Trình bày lí lẽ, bằng chứng ðể thuyết phục ngýời ðọc, ngýời nghe. Các lí lẽ, bằng chứng cần cãn cứ vào tác phẩm ðang bàn luận.  - Lí lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm.  - Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,..từ tác phẩm ðể làm sáng tỏ lí lẽ.  -Các lí lẽ, bằng chứng ðýợc sắp xếp theo trình tự hợp lí.  **Câu hỏi 3:**  Khi viết bài vãn phân tích ðặc ðiểm nhân vật trong tác phẩm vãn học, cần lýu ý:  - Giới thiệu ðýợc nhân vật cần phân tích.  - Trình bày ðýợc ý kiến của ngýời viết về các ðặc ðiểm của nhân vật.  - Ðýa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục làm sáng tỏ ý kiến.  - Ðýa ra những bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ vãn bản ðể làm sáng tỏ lí lẽ.  - Ðảm bảo nội dung bố cục của bài.  **2. Ôn tập văn bản đọc**  ***Câu 3***  Bảng hoàn thành của học sinh.  **3. Ôn tập phần thực hành Tiếng Việt**  - Huynh ðệ: anh em  - Tỷ muội: chị em  - Hải cẩu: chó biển  - Thi sĩ: nhà thõ  - Phu thê: vợ chồng  - Phụ nữ: ðàn bà  - Nhi ðồng: trẻ em  - Bãng hà: chết  - Bằng hữu: bạn bè  - Phu nhân: vợ   1. **Ôn tập phần nói và nghe**   **Câu 4:**  **+ Các bước**  **B1: Chuẩn bị:**  **-** Thành lập nhóm và phân công công việc  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận.  - Thống nhất mục tiêu và thời gian  **B2: Thảo luận:**  **-** Trình bày ý kiến.  - Phản hồi các ý kiến.  - Thống nhất ý kiến.  + **Lưu ý:**  **-** Thái độ:  - Cách trình bày  **=> Hs trình bày**  **Câu 6: sp của hs.** |

**Bảng mẫu sgk/75**



**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

*- GV đặt câu hỏi cho HS:*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi  - HS thực hiện nhiệm vụ  **CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?**  A. Cách nhìn cuộc sống.  B. Những góc nhìn văn chương.  C. Những góc nhìn cuộc sống.  D. Cuộc sống muôn màu.  **CÂU 2: “Chiếc lá cuối cùng” là tác phẩm của**   1. O Hen - ri 2. An - Phông xơ Đô đe   C. Hem Minh Quây  D. Mác - kết.  **CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là**  A. Lí luận.  B. Lí lẽ, dẫn chứng.  C. Bình luận.  D. Tranh luận. | Đáp án   1. B 2. A 3. B |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi  - HS thực hiện nhiệm vụ  **CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?**  A. Cách nhìn cuộc sống.  B. Những góc nhìn văn chương.  C. Những góc nhìn cuộc sống.  D. Cuộc sống muôn màu.  **CÂU 2: “Chiếc lá cuối cùng” là tác phẩm của**   1. O Hen - ri 2. An - Phông xơ Đô đe   C. Hem Minh Quây  D. Mác - kết.  **CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là**  A. Lí luận.  B. Lí lẽ, dẫn chứng.  C. Bình luận.  D. Tranh luận. | Đáp án   1. B 2. A 3. B |

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kĩ năng** | **Nội dung cụ thể** |
| **Đọc - hiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** |
|  | **Đọc hiểu văn bản:**  **-** Văn bản 1:………………………………………….  - Văn bản 2: ………………………………………… . |
| **Đọc kết nối chủ điểm:**  Văn bản 3: …………………………………………….. |
| **Thực hành tiếng Việ**t:………………………………… |
| **Đọc mở rộng theo thể loại:**  Văn bản 4: ……………………………………………… |
| **Viết** | ….……………………………………………………… |
| **Nói và nghe** | ….……………………………………………………….. |

|  |
| --- |
|  |

|  |
| --- |
|  |

**PHT số 2**

|  |
| --- |
|  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian** | **Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong ðầm gì ðẹp bằng sen”** | **Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”** |
| Ý kiến | Truyện Em bé thông minh ðề cao trí tuệ của nhân gian. | Hình ảnh cây sen ðýợc miêu tả cụ thể, chính xác, thể hiện triết lí sống cao ðẹp của nhân dân. | Sức hấp dẫn của truyện Chiếc lá cuối cùng ðýợc thể hiện qua hình ảnh CLCC và kết thúc bất ngờ. |
| Lý lẽ và bằng chứng | - Lí lẽ 1: tình huống thử thách tý duy và việc sử dụng ngôn ngữ.  - Bằng chứng 1: Trýớc câu hỏi khó.... có câu trả lời.  - Lí lẽ 2: “Hai câu hỏi thử thách...giải pháp hợp lí”.  - Bằng chứng 2: “Nhờ nhanh trí...khiến vua bái phục.”  - Lí lẽ 3: “..ngýời kể chuyện ðã nâng nhân vật...truyện dân gian”.  - Bằng chứng 3: “ðể tôn vinh trí tuệ dân gian,...nýớc láng giềng”; “ngýời kể còn nhấn mạnh thêm tính trầm trọng...thời gian suy nghĩ”. | - Lí lẽ 1: "trong ðầm gì ðẹp bằng sen"  - Bằng chứng 1: "vì tác giả bài ca dao ðã khéo léo trình bàu sự khẳng ðịnh....trở thành týõng ðối và có tính thuyết phục"  - Lí lẽ 2: "lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng"  - Bằng chứng 2: "từ "lá xanh" qua "bông trắng" ðến "nhị vàng...bông hoa sen mới nở".  - Lí lẽ 3: ...là câu chuyển (chuyển vần, chuyển nhịp, chuyển ý) ðể chuẩn bị cho câu kết  - Bằng chứng 3: "Bài ca dao ðã có sự chuyển vần và thay ðổi trật tự...vẫn chảy thông, chạy mạnh".  - Lí lẽ 4: "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"  - Bằng chứng 4: "Và thế là "sen" hóa thành ngýời...giữ vững nhân cách thanh cao, trong sạch." | - Lí lẽ 1: “nhà vãn ...chiếc lá cuối cùng một sự sống”  - Bằng chứng 1: “Nhý ðầu truyện ðã viết....bất tử hóa nó”; “Sự hồi sinh ấy thật kì diệu...vẽ vịnh Na-pô-li”  - Lí lẽ 2: “...Ô-Hen-ri mới ðể Xu kể...chiếc lá cuối cũng.  - Bằng chứng 2: “Cụ Bõ-mõn ðang khỏe mạnh...qua ðời”; |
| Mục đích viết | Ðề cao triì tuêò cuÒa nhân dân | VeÒ ðeòp cuÒa hoa sen trong baÌi ca dao | Sýìc hâìp dâÞn cuÒa truyêòn ngãìn Chiêìc laì cuôìi cuÌng. |
| Nội dung chính | Ngợi ca sự thông minh tài nãng của tầng lớp nông dân . | Bài ca dao có nghệ thuật tuyệt vời và ý nghĩa triết lí nhân sinh. | Truyện ngắn chứa ðựng giá trị nhân vãn sâu sắc. |

**………………………………………………………………………….**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

Tiết 44

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kĩ năng:**

- Hệ thống kiến thức Ngữ văn 7 từ tuần 1 đến tuần 8

**-** Nắm được kĩ năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng.

**-** Đánh giá được năng lực đọc- hiểu và tạo lập văn bản.

**-** Có khả năng diễn đạt, sử dụng từ ngữ khi viết đoạn văn, bài văn.

- Biết phát huy ưu điểm và khắc phục những hạn chế qua bài làm.

**2. Phẩm chất:**

- HS trung thực trong kiểm tra; tự tin làm bài độc lập.

- Có trách nhiệm với việc học của bản thân.Yêu thích môn Ngữ văn.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA :**

- Kiểm tra tập trung theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, HS làm bài trên giấy A4

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ năm chữ . | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***0,5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***3*** | ***0*** | ***1*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | **5%** | **15%** | **15%** | **30%** |  | **10%** |  |
| **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; hiện tượng từ ngữ trong tiếng việt; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, …  **\* Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  **\* Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. | | 5TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ . | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **5 TN** | **3TN** | **3 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT H.PHÚ HÒA**  **TR. THCS NGUYỄN THẾ BẢO** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **NĂM HỌC: 2024-2025**  **Môn: Ngữ Văn-Lớp 7** |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

**Tế Hanh**

*Sáng nay mùa thu sang*

*Cha đưa con đi học*

*Sương đọng cỏ bên đường*

*Nắng lên ngời hạt ngọc*

*Lúa đang thì ngậm sữa*

*Xanh mướt cao ngập đầu*

*Con nhìn quanh bỡ ngỡ*

*Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước*

*Thu 1964*

*(In trong* ***Khúc ca mới****, Tr.32, NXB Văn học,1966)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của bài thơ trên ?

A. Tự do C. Lục bát

B. Năm chữ D. Bốn chữ

**Câu 2.** Hiện tượng từ ngữ nào sau đây nêu đúng mối quan hệ về nghĩa của từ “đường” trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường"?

A. Hiện tượng đồng âm C. Hiện tượng đồng nghĩa

B. Hiện tượng trái nghĩa D. Hiện tượng đa nghĩa

**Câu 3**. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

A. Mẹ C. Cha

B. Con D. Bà

**Câu 4.** Cụm từ *"nhìn quanh bỡ ngỡ"* thuộc cụm từ nào sau đây?

A. Cụm danh từ C. Cụm động từ

B. Cụm tính từ D. Cụm chủ vị

**Câu 5**. Người cha muốn nhắn gởi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước.*

A. Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.

B. Con hãy luôn luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. Con luôn phải có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.

C. Con hãy biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu. Hãy quan tâm, thấu hiểu với những vất vả của cha.

D. Khắc sâu tấm lòng yêu con của cha, đồng thời thể hiện sự tin tưởng, hi vọng ở con.

**Câu 6.** Dòng nào sau đây giải nghĩa đúng nhất tác dụng chủ yếu của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ *"Lúa đang thì ngậm sữa"*?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

**Câu 7.** Theo em, hình ảnh “ hạt ngọc ” được hiểu là gì?

A. Nắng mùa thu C. Hương lúa mùa thu

B. Gió mùa thu D. Sương trên cỏ bên đường

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây nói đúng nhất chủ đề của bài thơ?

A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con.

B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.

C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha.

D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

**Câu 9**. Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

**Câu 10**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc sau khi đọc bài thơ.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Từ bài thơ “ Đưa con đi học ” của nhà thơ Tế Hanh em hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi đọc (khoảng 300 chữ ).

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | **B** | 0,5 |
| **2** | **A** | 0,5 |
| **3** | **C** | 0,5 |
| **4** | **C** | 0,5 |
| **5** | **A** | 0,5 |
| **6** | **A** | 0,5 |
| **7** | **D** | 0,5 |
| **8** | **A** | 0,5 |
| **9** | - Nêu được suy nghĩ của bản thân về tình phụ tử thiêng liêng. | 1,0 |
|  | **10** | - Hs nêu được bài học cụ thể, có ý nghĩa:  + Phải luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ.  + Luôn có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.  + Học tập, rèn luyện thật tốt để mẹ cha được vui lòng  + Luôn biết trân trọng những khoảnh khắc được bên mẹ, bên người thân… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn biểu cảm | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong bài thơ. | 0,25 |
| c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong bài thơ.  HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu được bài thơ ,tác giả .  - Nêu được cảm xúc của bản thân  -Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc  \* Nội dung:  -Khái quát vẻ đẹp trên đường đi học được tác giả miêu tả qua những chi tiết:  +Cảnh vật buổi sáng mùa thu trên quê hương.  +Sương đọng cỏ bên đường.  +Nắng lên ngời hạt ngọc.  +Lúa đang thì ngậm sữa.  -Tâm trạng của đứa trẻ được nêu trong bài thơ: bỡ ngỡ, lạ lẫm, lời động viên của người cha,…  -Bài thơ như một thông điệp tôn trọng và biết ơn đối với đấng sinh thành (đặc biệt ở đây là tình phụ tử), khuyến khích mỗi người chúng ta luôn giữ gìn và trân trọng tình cảm gia đình.  \* Nghệ thuật: Thể thơ 5 chữ ngắn gọn, gần gũi.  - Bài học cho bản thân. | 0.25  0.5  1.5  0.25 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp:  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | e. Sáng tạo:  Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,5 |

**\* Hướng dẫn tự học:**

- Bài vừa học: Xem lại bài kiểm tra. Sửa lỗi sai bài làm của mình

- Bài sắp học: Quà tặng thiên nhiên ( Văn tùy bút)

Tìm hiểu tri thức Ngữ Văn